

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST

Ngày 11-11- 2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Hảo

Bà Tạ Ngọc Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 105/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Anh Trần Văn Ph, sinh năm 1990. (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp S, xã K, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là luật sư Đinh Công A – Văn phòng luật sư Tư A thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An. (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn V, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

-Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1996. (Có mặt).

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp S, xã K, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: Số X, ấp Y, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 02 tháng 7 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn Ph trình bày:

Anh Ph và chị L tiến đến hôn nhân thông qua người mai mối, có tìm hiểu nhau khoảng 01 tháng thì tổ chức đám cưới vào năm 2011, sau đó đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. Sau khi cưới anh Ph và chị L sinh sống tại xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. Từ năm 2017 chuyển về sinh sống tại ấp S, xã K, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu cũng có hạnh phúc, đến năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, anh Ph cho rằng chị L thường nhả tin cho người khác, anh Ph có đánh chị L và chị L bỏ về huyện C, thành phố Cần Thơ. Sau đó, anh Ph xuống rước chị L. Nhưng sau khi về chị L ít nói, hai bên cũng ít chia sẻ với nhau. Ngày 25/01/2019, bên gia đình chị L có đám cưới em gái nên chị L mang hai con về nhà cha mẹ ruột thuộc ấp Y, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ sinh sống cho đến nay. Sau đó, anh Ph và cha mẹ nhiều lần xuống rước chị L về nhưng chị L không về. Vợ chồng đã sống ly thân từ 25/01/2019 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống hai người có 02 con chung tên Trần Văn T sinh ngày 19/10/2012 và Trần Văn Th sinh ngày 21/6/2014, hiện đang sống với chị L ở ấp Y, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. Vợ chồng có tài sản chung và có nợ chung nhưng sẽ tự thỏa thuận vấn đề này. Anh Ph cho rằng không còn tình cảm với chị L nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị L, yêu cầu được nuôi hai con chung không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm L trình bày:

Chị L thống nhất với lời trình bày của anh Ph về việc tiến đến hôn nhân do mai mối, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn, thống nhất về quá trình chung sống và có 02 con chung Trần Văn T sinh năm 2012 và Trần Văn Th sinh năm 2014. Vợ chồng có tài sản chung và có nợ chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Chị L cho rằng vào khoảng thời gian chị L sinh con thứ 2 thì mâu thuẫn có xảy ra, anh Ph đánh chị, mẹ chồng có đuổi chị đi mấy lần do bất đồng quan điểm và mẹ chồng khó khăn, về kinh tế phải sống phụ thuộc vào cha mẹ chồng. Có lần anh Ph và chị L cùng đi làm bỏ 02 con ở nhà cho mẹ chồng giữ, 02 con nghịch làm đổ 16 chai thuốc trừ sâu thì ba chồng và chồng chị về thấy vậy đánh và đá vào người hai con chị. Chị L bất bình nên đem 02 con về cha mẹ ruột 02 ngày, sau đó gần tết 2019 chị L về sống lại với chồng nhưng cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc vì giữa chị và bên chồng, cha mẹ chồng không hòa hợp nhau. Anh Ph hay chơi game không quan tâm đến vợ con, còn mâu thuẫn với mẹ chồng ngày trầm trọng, chị L làm chuyện gì mẹ chồng cũng không vừa ý. Cha chồng thì cũng không giải quyết được gút mắc giữa chị L và mẹ chồng. Sau đó, nhà chị L tổ chức đám cưới em gái thì chị L mang hai con về ở luôn bên cha mẹ ruột cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung và nợ chung nhưng chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị L cũng cung cấp chứng cứ chứng minh thu nhập của mình có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ là chị L

làm thuê thu nhập mỗi tháng 6.000.000 đồng, cha ruột của chị L có cho chị 250 gốc xoài Đài Loan thu hoạch hàng năm là 100.000.000 đồng; Cung cấp thông tin thể hiện hai con chị đang đi học có xác nhận của nhà trường đó là: Hiện cháu T đang học lớp 1 trường Tiểu học T và cháu Th đang học lớp 1 trường Mầm non xã T, thuộc huyện C, thành phố Cần Thơ. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 21/10/2019 cháu T có nguyện vọng sống với mẹ.

Trước yêu cầu ly hôn của anh Ph thì chị L đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dạy 02 con chung tên Trần Văn T sinh năm 2012 và Trần Văn Th sinh năm 2014 vì hai con đang sống với chị và đang đi học. Chị Linh không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh Ph tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên.

Kết quả xác minh của Tòa án:

1. Chính quyền địa phương:

Trưởng ấp S, xã K, huyện Vĩnh Hưng không nắm được tình trạng mâu thuẫn giữa chị L và anh Ph vì không ai trình báo. Chỉ nghe thông tin chị L dẫn hai con về Cần Thơ sinh sống từ đầu năm 2019 đến nay, bên gia đình anh Ph có xuống rước về nhưng chị L không về. Về điều kiện kinh tế thì gia đình anh Ph có đất ruộng và có thuê thêm đất để sản xuất. Nhà anh Ph cách trường học khoảng 4km. Về điều kiện cuộc sống bên gia đình chị L thì chính quyền địa phương không nắm rõ.

2. Ông Trần Văn H là cha của anh Ph cung cấp thông tin:

Vợ chồng anh Ph, chị L cưới nhau ngày 20/8/2011 (al), do mai mối. Sau ngày cưới anh Ph, chị L cùng gia đình ông sinh sống ở huyện C, thành phố Cần Thơ. Thường thì đến vụ cả nhà về xã K, huyện Vĩnh Hưng hết vụ mùa cả nhà lại về sống ở huyện C, thành phố Cần Thơ. Từ năm 2016, 2017 cho đến nay thì cả nhà về sống hẳn ở S, xã K, huyện Vĩnh Hưng. Khi có công việc gia đình mới về Cần Thơ.

Năm 2017, anh Ph biết L có nhậu tin với người khác nên hai vợ chồng có cãi nhau, sau đó anh Ph có đánh L bạt tay rồi chị L mang đứa con nhỏ về Cần Thơ hai tháng. Sau đó anh Ph có xuống rước L về sống lại. Đến năm 2018 có sự việc hai đứa con Ph L chơi nghịch làm đổ thuốc sâu thì ông H có đánh hai đứa mấy cái, sau đó L mang hai con gửi về bên gia đình ngoại, vài bữa sau chị L về S, xã K sinh sống trở lại. Trong quá trình chung sống thì vợ ông H có rầy la chị L một số chuyện bếp núc, ăn uống, nên hai mẹ con có lời qua tiếng lại. Tháng 02/2019 (al) chị L xin về đám cưới em gái và có mang theo hai con rồi ở luôn bên cha mẹ ruột ở huyện C, thành phố Cần Thơ cho đến nay. Anh Ph và gia đình có xuống rước chị L nhiều lần nhưng chị L không về.

Về điều kiện nuôi dạy con và thu nhập của anh Ph và chị L thì ông H cho rằng: Hiện nay L làm thuê, thu nhập không ổn định, bên cha mẹ ruột chị L có đất nhưng còn người con út ở cùng. Còn anh Ph thì làm ruộng của gia đình gồm 08ha ở Vĩnh Hưng và 01ha đất ở Cần Thơ; ruộng do anh Ph, chị L đứng tên là 02ha và thuê thêm ruộng là 03ha. Mùa nước thì đi đánh bắt cá. Làm ruộng thì trung bình có lời khoảng 10.000.000đ/ha/năm, chỉ có vụ đông xuân 2019 là huê không có lời. 01ha đất ruộng ở Cần Thơ ông H cho thuê 35.000.000đ/năm. Về tiền bạc trong gia đình thì do vợ chồng ông H quản lý. Vợ chồng anh Ph, chị L còn nợ ông H 800.000.000đồng do ông H đứng ra trả tiền Ngân hàng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất anh Ph và chị L mua, nhưng nay vợ chồng ly hôn thì ông không có yêu cầu gì. Hiện nay anh Ph sống chung với vợ chồng ông H, vợ chồng ông chỉ có hai người con là anh Ph và một người con gái đã có gia đình và ở riêng từ năm 2009.

3. Bà Nguyễn Thị N là mẹ của chị L cung cấp thông tin:

Chị L và anh Ph đi đến hôn nhân là do mai mối. Sau ngày cưới con gái bà về làm dâu bên nhà chồng ở xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ, sống được mấy tháng thì cả nhà chồng L Ph về ấp S, xã K sống cho đến nay, ở dưới Cần Thơ vẫn có nhà nhưng bỏ trống khi có đám tiệc thì bên nhà chồng L mới về.

Bà có nghe chị L nói lại nên biết được là chị L sống bên cha mẹ chồng không được hòa thuận, cha mẹ chồng khó khăn, còn anh Ph nghe lời cha mẹ nên vợ chồng mới mâu thuẫn. Từ khi lấy chồng, chị L và hai con có về bên bà sống 03 lần khoảng từ năm 2017 đến 2019. Lần đầu anh Ph có dẫn chị L về nhà bà nói gửi và dạy lại chị L, lần 02, lần 03 là chị L tự bỏ về bên bà sống. Lần 03 là chị L về ở hẳn đến nay và có mang theo hai con về, bà có hỏi thì chị L nói chủ yếu mâu thuẫn do cha mẹ chồng khó quá. Sau đó cha mẹ anh Ph có xuống nói chuyện 02 lần nhưng hai bên không giải quyết được vấn đề gì.

Hiện nay chị L ở nhà phụ vợ chồng bà làm ruộng khoảng 15 công đất lúa, có trồng thêm mấy trăm cây xoài. Thu nhập của chị L tính theo tháng không tính được cụ thể, gia đình bà có thể lo cho 02 cháu được. Trong quá trình chị L về sống tại gia đình bà, anh Ph có xuống thăm nhưng không đưa tiền cho L để nuôi con.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, luật sư Đình Công A phát biểu:

Anh Ph và chị L là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống giữa hai người phát sinh những mâu thuẫn không có hướng tháo gỡ và cả hai đều đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về con chung, anh Ph và chị L có hai con chung và cả hai đều

tranh chấp việc nuôi con, xét về điều kiện nuôi con thì chị L không có thu nhập ổn định trong khi anh Ph gia đình có đất đai nhiều, anh Ph lại là con trai một ở chung với cha mẹ nên điều kiện nuôi con của anh Ph đảm bảo tốt hơn cho hai con. Về tài sản chung và nợ chung không có tranh chấp nên không đề cập.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tổ tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Anh Ph và chị L xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh Ph và chị L có hai con chung. Hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 và đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2019. Nay anh Ph không còn tình cảm với chị L nữa nên yêu cầu được ly hôn với chị L và chị L cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Cả anh Ph và chị L đều yêu cầu được nuôi 2 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, hiện 2 cháu đang sống với chị L ở nhà ông bà ngoại tại ấp Y, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ từ tháng 2 năm 2019 cho đến nay. Hiện cháu T đang học lớp 1 trường Tiểu học T và cháu Th đang học lớp lá 1 trường Mầm non T, đều thuộc huyện C, thành phố Cần thơ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/10/2019 cháu T có nguyện vọng sống với mẹ. Xét điều kiện kinh tế, anh Ph làm ruộng chung cha ruột, tiền làm được do cha mẹ ruột quản lý; đối với chị L theo sự xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T thì chị L làm thuê thu nhập mỗi tháng 6.000.000 đồng, cha ruột của chị L có 250 gốc xoài Đài Loan thu hoạch hàng năm là 100.000.000 đồng. Như vậy, anh Ph và chị L đều có thu nhập ổn định đảm bảo cuộc sống cũng như việc học hành của hai cháu. Tuy nhiên, để đảm bảo ổn định cho các cháu được sinh sống và học tập cũng như đáp ứng nguyện vọng cho các cháu nên đề nghị giao cháu T và cháu Th cho chị Nguyễn Thị Cẩm L nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Từ những cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn Ph và chị Nguyễn Thị Cẩm L; Giao hai con chung cho chị Nguyễn Thị Cẩm L nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn xin ly hôn của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm L đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp S, xã K, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An nhưng hiện tại chị L đang sinh sống tại

ấp Y, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. Tuy nhiên, chị L đồng ý việc Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng thụ lý giải quyết vụ án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Anh Ph và chị L xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh Ph và chị L đều xác nhận vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 và không có cách tháo gỡ do những mâu thuẫn bất đồng phát sinh trong quá trình chung sống giữa chị L với anh Ph và cha, mẹ anh Ph. Hiện tại cả hai đều thống nhất vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 02 năm 2019 và không còn tình cảm với nhau. Anh Ph yêu cầu được ly hôn với chị L và chị L cũng đồng ý. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh Ph và chị L đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, căn cứ quy định tại các điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Ph và chị L.

[2.3] Về nuôi con chung: Xét thấy cả anh Ph và chị L đều chứng minh bản thân có thu nhập đảm bảo cuộc sống, tuy nhiên hai con chung là cháu Trần Văn T và cháu Trần Văn Th đang sống ổn định cùng với chị L tại ấp Y, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ và đang đi học. Hơn nữa, cháu T đã đủ 7 tuổi và có nguyện vọng được sống chung với mẹ còn cháu Th còn nhỏ cần sự chăm sóc, dạy dỗ của người mẹ nên việc giao hai con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của vị Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chỉ được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 19, 51, 56, 57, 58,

81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Trần Văn Ph.

1.1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn Ph và chị Nguyễn Thị Cẩm L.

1.2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung tên Trần Văn T (nam), sinh ngày 19/10/2012 và Trần Văn Th (nam), sinh ngày 21/6/2014 cho chị Nguyễn Thị Cẩm L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc (hiện hai cháu đang sống với chị L). Do chị L không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc các bên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Anh Trần Văn Ph phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh Ph đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0004516 ngày 15/7/2019 sang tiền án phí.

Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H. Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện C, Cần Thơ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Yến Linh